ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG

**Câu 1:** khắc họa bối cảnh lịch sử trong nước cuối thế kỉ 19, dầu thế kỉ 20 dưới chính sách cai trị thực dân pháp?

**Câu 2:** bối cảnh thế giới cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20 có những sự kiện nào tiêu biểu tác động tới sự ra đời của đảng cộng sản việt nam?

**Câu 3**: chuyển biến trong chủ nghĩa tư bản gây ra những biến động và mâu thuẫn xã hội như thế nào?

**Câu 4**: giai đoạn chuẩn bị tất yếu của nguyễn ái quốc cho sự ra đời của đảng cộng sản việt nam?

**Câu 5**: so sánh và làm rõ sự khác biệt trong mục tiêu, hình thức đấu tranh của thời kì 1930- 1931 so với thời kì 1936- 1939?

**Câu 6:** bối cảnh thế giới có những tác động như thế nào tới chủ trưởng đấu tranh của ta giai đoạn 1936-1939?

**Câu 7**: vì sao cách mạng tháng 8/1945 lại giành được thắng lợi một cách nhanh chóng và tương đối trọn vẹn?

**Câu 8**: cơ sở nào để đảng ta đề ra chủ trương kháng chiến kiến quốc thời kì 1945-1946? Hãy phân tích để lm rõ cơ sở đó?

**Câu 9:** cuộc kháng chiến chống thực dân pháp lần thứ 2 giành thắng lợi trên các mặt trận. Hãy phân tích để làm rõ những thắng lợi đó trên mặt trận quân sự và ngoại giao?

**Câu 10**: chủ trương đấu tranh trong kháng chiến chống mĩ thời kì 1954-1964 được thể hiện trên những khía cạnh nào? Hãy phân tích để làm rõ?

BÀI LÀM

**Câu 1:**

**\* Bối cảnh trong nước**

*Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công xâm lược và từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở Việt Nam, biến một quốc gia phong kiến thành thuộc địa nửa phong kiến.*

Về chính trị: Thực dân Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến Nhà Nguyễn; chia Việt Nam thành ba xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng. Thực dân Pháp câu kết với giai cấp địa chủ để bóc lột kinh tế và áp bức chính trị đối với Nhân dân Việt Nam.

Về kinh tế: Thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột, cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền; đầu tư khai thác tài nguyên; xây dựng một số cơ sở công nghiệp, hệ thống đường giao thông, bến cảng phục vụ chính sách khai thác thuộc địa.

Về văn hóa: Thực dân Pháp thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan. Mọi hoạt động yêu nước của Nhân dân ta đều bị cấm đoán. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề cai trị.

*Tình hình giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam.*

Dưới tác động của chính sách cai trị và chính sách kinh tế, văn hoá, giáo dục thực dân, xã hội Việt Nam đã diễn ra quá trình phân hóa sâu sắc. Giai cấp địa chủ câu kết với thực dân Pháp tăng cường bóc lột, áp bức nông dân. Tuy nhiên, trong nội bộ địa chủ Việt Nam lúc này có sự phân hóa. Một bộ phận địa chủ có lòng yêu nước, căm ghét chế độ thực dân đã tham gia đấu tranh chống Pháp dưới các hình thức và mức độ khác nhau. Giai cấp nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam, bị thực dân và phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Tình cảnh bần cùng khốn khổ của giai cấp nông dân Việt Nam đã làm tăng thêm lòng căm thù đế quốc và phong kiến tay sai, tăng thêm ý chí cách mạng của họ trong cuộc đấu tranh giành lại ruộng đất và quyền sống tự do. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, đa số xuất thân từ giai cấp nông dân, có quan hệ trực tiếp và chặt chẽ với giai cấp nông dân, bị đế quốc,  phong kiến áp bức bóc lột. Giai cấp tư sản Việt Nam bị tư sản Pháp và tư sản người Hoa cạnh tranh chèn ép, do đó thế lực kinh tế và địa vị chính trị nhỏ bé và yếu ớt, có tinh thần dân tộc và yêu nước ở mức độ nhất định. Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam bao gồm học sinh, trí thức, những người làm nghề tự do… đời sống bấp bênh, dễ bị phá sản trở thành người vô sản, có lòng yêu nước, căm thù đế quốc, thực dân, có khả năng tiếp thu những tư tưởng tiến bộ từ bên ngoài truyền vào.

Các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam lúc này đều mang thân phận người dân mất nước và ở những mức độ khác nhau, đều bị thực dân áp bức, bóc lột. Vì vậy, trong xã hội Việt Nam, ngoài mâu thuẫn cơ bản giữa Nhân dân, chủ yếu là nông dân với giai cấp địa chủ và phong kiến, đã nảy sinh mâu thuẫn vừa cơ bản vừa chủ yếu và ngày càng gay gắt trong đời sống dân tộc, đó là mâu thuẫn giữa toàn thể Nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Tính chất của xã hội Việt Nam là xã hội thuộc địa nửa phong kiến đang đặt ra hai yêu cầu: Một là, phải đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho Nhân dân; Hai là, xóa bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho Nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.

*Phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.*

Trước sự xâm lược của thực dân Pháp, các phong trào yêu nước của Nhân dân ta chống thực dân Pháp diễn ra liên tục và sôi nổi nhưng đều không mang lại kết quả. Phong trào Cần Vương - phong trào yêu nước theo ý thức hệ phong kiến, do giai cấp phong kiến lãnh đạo đã chấm dứt ở cuối thế kỷ XIX với cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng (năm 1896). Sang đầu thế kỷ XX, khuynh hướng này không còn là khuynh hướng tiêu biểu nữa. Phong trào nông dân, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám kéo dài mấy chục năm cũng thất bại vào năm 1913. Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản do các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh lãnh đạo cũng rơi vào bế tắc. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Nguyễn Thái Học lãnh đạo cũng bị thất bại.

Các phong trào yêu nước từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, bất khuất của dân tộc ta được hun đúc qua hàng ngàn năm lịch sử. Nhưng do thiếu đường lối đúng đắn, thiếu tổ chức và lực lượng cần thiết nên các phong trào đó đã lần lượt thất bại. Cách mạng Việt Nam chìm trong cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.

Câu 2:

a) Tình hình thế giới

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền. Các đế quốc đua nhau xâm lược các nước châu Á, châu Phi và Mỹ la tinh. Sự xâm lược và bóc lột thực dân làm cho nhân dân các thuộc địa rất khổ cực. Mâu thuẫn giữa các đế quốc với các dân tộc thuộc địa và mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau rất gay gắt.

Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc đã dẫn đến chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 — 1918) Cuộc chiến tranh này là một trong những sự kiện có ảnh hưởng nhất trong lịch sử thế giới; để lại cho nhân dân thế giới những hậu quả rất nặng nề gây ra những hậu quả đau thương cho nhân dân các nước (khoảng 10 triệu người chết và 20 triệu người tàn phế do chiến tranh), đồng thời cũng đã làm cho chủ nghĩa tư bản suy yếu và mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc càng tăng thêm..Thực dân Pháp trút gánh nặng, tăng cường bóc lột, đàn áp cách mạng các nước thuộc địa. Tình hình đó đã tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh ở các nước nói chung, các dân tộc thuộc địa nói riêng phát triển mạnh mẽ.

* ảnh hưởng của chủ nghĩa mác-leenin:

Đầu thế kỷ XX, V.I. Lênin (1870 - 1924) đã bảo vệ và phát triển học thuyết Mác, đưa ra lý luận về đảng vô sản kiểu mới của giai cấp công nhân, về cách mạng vô sản trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc; về nhiệm vụ kinh tế và chính trị trong xây dựng chủ nghĩa xã hội... Sự phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới phát triển.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 làm rung chuyển thế giới, thức tỉnh hàng triệu người, mở ra thời đại cách mạng chống đế quốc và giải phóng dân tộc.

Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản, trung tâm lãnh đạo phong trào cách mạng thế giới được thành lập, thúc đẩy sự ra đời các đảng cộng sản và dẫn đến cao trào cách mạng thế giới (1919 - 1923). Tháng 7/1920. V.I Lênin gửi tới tới các Đảng Cộng sản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc được đọc và tìm thấy ở bàn Luận cương của Lênin con đường cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam.

Cuộc cách mạng Tân Hợi (10/1911) ở Trung Quốc, công cuộc Canh tân đất nước của Nhật Bản cuối thế kỷ XIX; phong trào “bất bạo động“ của Đảng Quốc Đại ở Ấn Độ lãnh đạo những năm đầu thế kỷ XX đã ảnh hưởng đến tư tưởng, thu hút sự quan tâm của nhiều người yêu nước Việt Nam.

Câu 3:

* **Chủ nghĩa tư bản ra đời thể hiện rõ tính bóc lột dã man của giai cấp tư sản ngay từ khi nó mới ra đời. Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn giữa tính chất và trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất với chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.**

## Định nghĩa về chủ nghĩa tư bản

* Chủ nghĩa tư bản chính là hệ thống chính trị, kinh tế và xã hội mà trong đó phần lớn tài sản, kể cả tài sản được dùng trong lao động sản xuất, mà nó thuộc sở hữu tư nhân. Trong chủ nghĩa tư bản, thì cơ chế giá được sử dụng làm hệ thống tín hiệu cho việc chia nguồn lực vào các mục đích sử dụng khác nhau. Các dạng khác nhau của chủ nghĩa tư bản mang nét đặc trưng bởi quy mô sử dụng cơ chế giá cả, mức độ cạnh tranh trên thị trường và quy mô can thiệp của nhà nước.

## Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản

* Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản chính là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Sự mâu thuẫn này thể hiện như sau:

– Sự mâu thuẫn giữa tổ chức và lập kế hoạch trong mọi công ty rất chặt chẽ và khoa học, có xu hướng tự phát và vô chính phủ trong toàn công ty.

- Mâu thuẫn giữa xu hướng tích luỹ, mở rộng vô hạn trữ lượng tư bản với sức mua ngày càng bị thu hẹp của quần chúng nhân dân.

- Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

=> Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản dẫn đến phong trào công nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ, chuyển từ “tự phát” sang “tự giác”, là cơ sở ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học của trường phái do Mác và Ph.Ăngghen sáng lập.

## Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản

* Trong tiến trình lịch sử tự nhiên của các mối quan hệ giữa con người với con người, một trong những quy luật quan trọng nhất của chủ nghĩa duy vật biện chứng là quy luật mâu thuẫn
* Theo quy luật này, trong cấu trúc của mọi sự vật, hiện tượng không phải bao giờ cũng bao gồm những yếu tố đồng nhất và thống nhất với nhau, mà mọi sự vật hiện tượng đều cấu thành bởi một chỉnh thể thống nhất bao gồm nhiều mặt khác nhau, trong đó có cả những mặt đối lập, Khi các mặt đối lập tương tác với nhau thì mâu thuẫn nảy sinh.
* Cuộc đấu tranh giải quyết những mâu thuẫn giữa chúng để làm ra đời cái mới thay thế cái cũ cho thấy sự vận động không ngừng của các sự vật, phương thức sản xuất cũng tuân theo quy luật tự nhiên, giữa con người và động vật. luôn thay đổi và thống nhất với nhau.

## Chủ nghĩa tư bản đã gây ra những hậu quả nặng nề cho nhân loại

* Chủ nghĩa tư bản phải chịu trách nhiệm chính về hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu của thế kỷ 20 và cuộc chạy đua vũ trang, ô nhiễm môi trường, áp bức, nô dịch các dân tộc thuộc địa.
* Chủ nghĩa tư bản góp phần gây ra đói nghèo và bệnh tật cho hàng trăm triệu người, đặc biệt là ở các nước kém phát triển.
* Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản đã thể hiện rõ sự bóc lột dã man của giai cấp tư sản ngay từ những ngày đầu ra đời. Cùng với những thủ đoạn dã man đầu tiên, xâm lược thuộc địa, buôn bán nô lệ là nguyên nhân cơ bản dẫn đến những cuộc đấu tranh đầu tiên và mạnh mẽ nhất của quần chúng lao động chống giai cấp tư sản.
* Sự phát triển của quá trình xã hội hóa đã tạo ra những tiền đề vật chất đầy đủ cho cách mạng vô sản và sự ra đời của một xã hội mới ưu việt hơn.
* Đảng ta khẳng định con đường đi lên của nước ta, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là xác lập địa vị thống trị trong quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu và kế thừa những thành tựu mà loài người đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, nhất là về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Câu 4:

* **Ngày 5/6/1911, Nguyễn Tất Thành đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước với hành trang duy nhất là lòng yêu nước. Sau khi tìm thấy con đường cách mạng vô sản, Người đã tích cực chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng để tiến tới việc hiện thực hóa con đường cứu nước.**
* Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Với truyền thống yêu nước bất khuất, nhiều phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam đã diễn ra theo nhiều khuynh hướng chính trị khác nhau nhưng đều bị thất bại. Trước bối cảnh đó, yêu cầu bức thiết là phải tìm ra con đường cứu nước phù hợp.
* Qua nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm ra con đường cách mạng đúng đắn - con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” [3]. Theo chủ nghĩa Mác - Lênin cần phải thành lập một chính đảng của giai cấp vô sản và Nguyễn Ái Quốc cũng khẳng định: cách mạng muốn thành công phải có đảng cách mệnh. Từ đó, Người đã tích cực chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản.

**Về tư tưởng**: Dưới nhiều phương thức hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bản chất và tội ác của chủ nghĩa đế quốc, thực dân, tập hợp lực lượng và tuyên truyền con đường cách mạng vô sản. Từ giữa năm 1921, tại pháp thành lập hội liên hiệp thuộc địa, Người sáng lập tờ báo “Le Paria” (Người Cùng khổ) và viết nhiều bài trên các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tập san Thư tín quốc tế... Năm 1922, nguyễn ái quốc được bầu làm trưởng tiểu ban nghiên cứu về đông dương, vừa nghiên cứu lý luận vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và phong trào công nhân quốc tế

          **Về chính trị:** Nguyễn Ái Quốc tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước. Người đã phác thảo những vấn đề cơ bản về đường lối cứu nước đúng đắn của cách mạng Việt Nam, thể hiện tập trung trong tác phẩm “Đường Kách mệnh”.  
**Về tổ chức**: Nguyễn Ái Quốc dày công chuẩn bị về mặt tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản của giai cấp công nhân Việt Nam. Đó là huấn luyện, đào tạo cán bộ, từ các lớp huấn luyện do Người tiến hành ở Quảng Châu (Trung Quốc) để vừa chuẩn bị cán bộ, vừa truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin. Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên, mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng.

* Nhờ những hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã ra đời là: An Nam cộng sản đảng; Đông Dương cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn. Ngày 3/2/1930, các tổ chức này đã hợp nhất lại thành Đảng Cộng sản Việt Nam. dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam đã giành được độc lập năm 1945 và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, đánh thắng thực dân Pháp năm 1954 và đế quốc Mỹ năm 1975, giải phóng hoàn toàn đất nước, cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Câu 5:

**Khái quát chung về hai phong trào**

1. ***Phong trào 1930-1931***

* Trong những năm 1929-1933, Việt Nam phải gánh chịu những thiệt hại của cuộc khủng hoảng kinh tế ở nước Pháp. Điều đó trở thành một trong những nguyên nhân làm bùng nổ phong trào cách mạng 1930-1931 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngay khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công-nông rộng khắp trên cả nước. Phong trào đấu tranh lam rộng và dâng cao, nhất là ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Xô viết Nghệ- Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930-1931. Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của phong trào, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp, khủng bố phong trào. Từ năm 1931, phong trào cách mạng trong cả nước dần dần lắng xuống.

1. ***Phong trào 1936-1939***

* Vào nửa cuối những năm 30 của thế kỉ XX, trước những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước. Đảng Cộng sản Đông Dương thay đổi chủ trương chuyển sang hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp với mục tiêu đòi tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình, làm dấy lên phong trào dân chủ 1936-1939. Phong trào nổ ra rộng khắp và được đông đảo nhân dân hưởng ứng nhiệt tình, thông qua một số hoạt động cụ thể: phong trào đòi tự do, dân sinh, dân chủ; đấu tranh nghị trường; đấu tranh trên lĩnh vực báo chí;…Phòn trào dân chủ 1936-1939 bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng; đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể trước mắt về dân sinh, dân chủ.

**\*) So sánh những điểm giống và khác nhau giữa pt 1930-1931 và pt 1936-1939**

**1.**     **Sự giống nhau**

***a, Quy mô***

     Cả hai phong trào đều có quy mô rộng khắp, lan rộng từ Bắc tới Nam, thu hút đông đảo tầng lớp nhân dân tham gia.

***b, Lực luợng lãnh đạo***

    Sau năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cả hai phong trào đều đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng.

***c, Ý nghĩa***

     Cả hai phong trào đều gây nên tiếng vang lớn đối với thực dân Pháp.

     Đều được coi là hai cuộc diễn tập để chuẩn bị cho thắng lợi của cách mạng tháng tám năm 1945.

**2.Sự khác nhau**

***a. Hoàn cảnh lịch sử đưa đến phong trào***

\* Cao trào 1930-1931:

-Chính sách áp bức, bóc lột nặng nề của thực dân Pháp, thêm vào đó gánh nặng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã tác động mạnh và sâu sắc tới tình hình kinh tế- xã hội của nước ta, làm cho đời sống của mọi tầng lớp nhân dân lao động cực khổ, mâu thuẩn xã hội gay gắt.

- Trong những năm cuối thập kỉ 20 của thế kỉ XX, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, lôi cuốn đông đảo các giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia. Đầu năm 1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái do Việt Nam quốc dân đảng lãnh đạo thất bại. Chính quyền thực dân đã tiến hành chính sách khủng bố trắng- chính sách khủng bố dã man những người yêu nước Việt Nam. Điều đó càng làm tăng thêm những mâu thuẫn và tình trạng bất ổn trong xã hội.

- Giữa lúc đó, Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng công nông rộng khắp trên cả nước.

\* Phong trào dân chủ 1936, 1939:

-Tình hình thế giới tác động tới Việt Nam

Trong những năm 1936-1939, tình hình thế giới có nhiều sự kiện tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng Việt Nam

   Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã khoét sâu những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa đế quốc; giai cấp tư sản một số nước đã phát xít hóa bộ máy thống trị (Đức, Ý, Nhật Bản) những phần tử phát xít ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị chiến tranh thế giới.

Tháng 7 năm 1935, đại hội lần thứ 7 Quốc tế cộng sản họp tại Matxcova (Liên Xô) đã xác định xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít; nhiệm vụ trước mắt của nhân dân thế giới là chống lại chủ nghĩa phát xít nhằm mục tiêu giành độc lập, bảo vệ hòa bình, thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

-Ở trong nước:

Sau một thời gian đấu tranh phục hồi tổ chức (1932-1935), đầu 1935,  lực lượng cách mạng trong nước đã phục hồi; lúc này, ở Việt Nam nhiều đảng phái chính trị đang hoạt động. Tuy nhiên, chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng mạnh nhất, có tổ chức chặt chẽ và chủ trương vững vàng.

Đời sống của đại bộ phận các tầng lớp nhân dân lao động vẫn gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, họ hang hái tham gia phong trào đấu tranh đòi cơm áo dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

***b, Chủ trương đấu tranh của Đảng***

Phong trào 1930-1931: Chủ trương đấu tranh của Đảng trong thời kì này cũng đồng thời là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương là chống đế quốc và chống phong kiến. Hai nhiệm vụ chiến lược là đánh đổ phong kiến và đánh đổ đế quốc có quan hệ khăng khít với nhau. các cuộc đấu tranh thời kì này nổ ra với những khẩu hiệu như: “Đả đảo chủ nghĩa đế quốc! Đả đảo phong kiến! “Thả tù chính trị”, “Bỏ sưu thuế, chia ruộng đất”…

Phong trào 1936-1939:

Ban chấp hành trung ương xác định cách mạng ở Đông dương vẫn là “cách mạng tư sản dân quyền- phản đế và điền địa-lập chính quyền công nông bằng hình thức Xô viết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”. Ban chấp hành trung ương xác định cách mạng ở Đông dương vẫn là “cách mạng tư sản dân quyền- phản đế và điền địa-lập chính quyền công nông bằng hình thức Xô viết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”.

***c. Nhiệm vụ trước mắt***

1930-1931: Chống đế quốc giành độc lập dân tộc; chống phong kiến đòi ruộng đất cho dân cày; thành lập chính quyền xô viết.

1936-1939: Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của thời kì này là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh, đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

***d, Xác định kẻ thù cách mạng***

- Kẻ thù cách mạng trong thời kì 1930-1931 vẫn được xác định là giai cấp phong kiến và thực dân Pháp.

- Kẻ thù cách mạng trong thời kì 1936-1939, kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ lúc này là chủ nghĩa phát xít, bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng

***e. Khẩu hiệu đấu tranh***

1930-1931: Vẫn giương cao khẩu hiệu: “Độc lập dân tộc và người cày có ruộng”. Khẩu hiệu đó xuất phát từ việc xác định nhiệm vụ, kẻ thù trước mắt là giai cấp phong kiến và chủ nghĩa đế quốc.

1936-1939: Tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay nặng lãi, chống phát xít và chống chiến tranh phát xít

***f. Hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh***

1930-1931:

Phương pháp là bí mật bất hợp pháp

    Hình thức là Kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang (mít tinh, biểu tình của công nhân, biểu tình có vũ trang của nông dân).

Cụ thể đó là những cuộc biểu tình của công nhân…, cuộc biểu tình ngày quốc tế….; cuộc đấu tranh của…; cuộc biểu tình có vũ trang tự vệ của… đặc biệt là cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên,…

1936-1939: khác với thời kì 1930-1931, đến thời kì 1936-1930 phong trào đấu tranh của nhân dân ta đã có những bước trưởng thành, có thêm nhiều kinh nghiệm đấu tranh với hình thức đấu tranh phong phú, đa dạng và đấu tranh trên mọi lĩnh vực của đời sống. Cụ thể đó là kết hợp giữa đấu tranh công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

Hình thức đấu tranh thời kì này là đấu tranh trên nhiều lĩnh vực:

- họp dân lấy dân nguyện đưa các bản yêu sách lên chính quyền thực dân, Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ;

- Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ trương đấu tranh công khai trên nghị trường nhằm mục đích mở rộng lực lượng của mặt trận dân chủ và vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân và tay sai, bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động.

-Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí: Đảng cs đong dương đã triệt để sửu dụng báo chí công khai làm vũ khí đấu tranh cm; tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, tập hợp, hướng dẫn phong trào đấu tranh của quần chúng.

***g. Hình thức tập hợp lực lượng (mặt trận)***

1930-1931: Do trong bản luận cương tháng 10 (1930) của Trần Phú đánh giá không đúng khả năng cách mạng của các tầng lớp nhân dân trong xã hội nên trong thời kì này chỉ chủ trương bước đầu thực hiện xây dựng khối liên minh công-nông.

1936-1939: Bước đàu khắc phục những sai sót về việc…của luận cương tháng 10, Thời kì này Đảng ta đã chủ trương tập hợp rộng rãi, đông đảo mỏi tầng lớp, giai cấp nhân dân tham gia. Để thực hành những nhiệm vụ trước mắt của cách mạng, Ban Chấp hành trung ương quyết định thành lập mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương .

***e. Lực lượng tham gia***

1930-1931: Chính do những thiếu sót về xác định lực lượng cách mạng trong luận cương tháng 10 của Đảng ta nên thời kì này chủ yếu chỉ thu hút sự tham gia của công nhân và nông dân- hai lực lượng được xác định là nòng cốt của cách mạng, còn những tầng lớp khác chỉ tham gia rất ít.

1936-1939: Do chủ trương tập hợp rộng rãi, đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia và nhờ sự thành lập của mt dân tộc thống nhất nên đã thu hút, huy động, giác ngộ được đông đảo quần chúng nhân dân ở mọi tầng lớp, giai cấp đừng về phía cách mạng và hang hái đấu tranh cách mạng, từ…với những phong trào…

***h, Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm***

-phong trào 1930-1931 chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nhưng có ý nghĩa lịch sử to lớn. Phong trào đã khẳng định đường lối đúng đắn của Đảng, quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với cách mạng các nước ở Đông Dương.

Cuộc vận động dân chủ 1936-1939 là một phong trào quần chúng rộng lớn, có sự tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Phong trào dân chủ 1936-1939 bằng sức mạnh đoàn kết của quần chúng, quần chúng được giác ngộ về chính trị, đã tham gia mặt trận dân tộc thống nhất, trở thành lực lượng chính trị hung hậu của cách mạng.

*Về bài học kinh nghiệm đối với Đảng:*

* Nếu như 1930-1931: Phong trào đã để lại cho Đảng nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về công tác tư tưởng, về xây dựng khối liên minh công nông và mặt trận dân tộc thống nhất, về tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh,… phong trào 1930-1931 có ý nghĩa như cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng và quần chúng cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8 sau này.
* Thì đến phong trào 1936-1939 Đảng ta lại tích lũy được thêm những kinh nghiệm mới: Về xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia; kinh nghiệm tổ chức quần chúng đấu tranh nhưng dưới nhiều hình thức hơn so với phong trào 1930-1931 đó là kinh nghiệm về đấu tranh công khai, hợp pháp kết hợp với bí mật, bất hợp pháp. Đồng thời, Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc; kinh nghiệm đấu tranh tư tưởng trong nội bộ Đảng với các đảng phái chính trị phản động… phong trào 1936-1939 được coi là cuộc tập dượt lần hai.

Câu 6:

1- Hoàn cảnh lịch sử

\* Thế giới

Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản thêm gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

Một số nước đi vào con đường phát xít hoá: dùng bạo lực để đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và ráo riết chạy đua vũ trang phát động chiến tranh thế giới mới. Chủ nghĩa phát xít thắng thế ở Đức, Ý, Nhật, chúng liên kết với nhau lập ra phe “Trục”, tuyên bố chống Quốc tế Cộng sản và phát động chiến tranh chia lại thế giới. Nguy cơ phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hoà bình và an ninh quốc tế.

Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp tại Matxcơva (7-1935) xác định:

Thứ nhất, kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít.

Thứ hai, nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chính quyền mà là chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hoà bình và cải thiện đời sống.

Thứ ba, đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, vấn đề lập Mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

\*) Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ dân sinh (7-1936):

Ngày 26-7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), do Lê Hồng Phong chủ trì, có Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên dự, nhằm “sửa chữa những sai lầm” trước đó và “định lại chính sách mới” dựa theo những nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản

\* Nhiệm vụ cách mạng

Nhiệm vụ chiến lược:

Không thay đổi so với Hội nghị lần thứ nhất – “Cách mạng tư sản dân quyền – phản đế và điền địa – lập chính quyền công nông bằng hình thức Xô viết”, “để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa”.

Nhiệm vụ trước mắt:

Hội nghị xác định: “ mục tiêu trực tiếp trước mắt của cách mạng là chống phát xít, chống chiến tranh, chống chế độ phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình”. Kẻ thù chủ yếu trước mắt của nhân dân Đông Dương là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

\* Lực lượng cách mạng: các giai cấp nhân dân, gồm lực lượng chính là công dân, nông dân, đoàn kết với tiểu tư sản thành thị và nông thôn , đồng minh hoặc trung lập tạm thời với giai cấp tư sản bản xứ, trung và tiểu địa chủ, các Đảng quốc gia cách mạng.

Mặt trận nhân dân phản đế là cuộc liên hợp hết các giai cấp trong toàn dân tộc bị áp bức đang tranh đấu đòi những đều quyền lợi hằng ngày cho toàn dân, chống chế độ thuộc địa vô nhân đạo, để dự bị điều kiện cho cuộc vận động dân tộc giải phóng được phát triển.

\* Phương pháp cách mạng: Biểu tình, bãi công, đấu tranh một cách ôn hòa chủ yếu là đấu tranh chính trị.

\* Hình thức đấu tranh:

Chuyển hướng hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp nhằm làm cho Đảng mở rộng liên hệ với quần chúng, giáo dục và tổ chức quần chúng đấu tranh bằng các khẩu hiệu đấu tranh thích hợp. Chủ trương chuyển hướng của Trung ương Đảng đáp ứng yêu cầu cơ bản của quần chúng nên đã dấy lên một cao trào đấu tranh dân chủ rộng rãi trên toàn Đông Dương. “Chính vì thế nhiệm vụ cấp thiết nhất là phải từ bỏ những hình thức tổ chức thiển cận, bè phái, phải sử dụng mọi khả năng công khai và bán công khai, để tổ chức quần chúng rộng rãi hơn, không phụ thuộc vào hình thức, không phụ thuộc vào tên gọi. Chỉ có cuộc tranh đấu có tổ chức mới đạt được kết quả và trong cuộc đấu tranh đó quần chúng sẽ hiểu sự cần thiết phải tăng cường tính tổ chức, để bảo đảm sự tồn tại của giai cấp, của nhân dân”.

* Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng từ giữa năm 1936 trở đi khẳng định sự chuyển hướng chỉ đạo cách mạng đúng đắn của Đảng. Hội nghị lần thứ ba (3-1937), lần thứ tư (9-1937), tiếp đó là Hội nghị lần thứ năm (3-1938) đã đi sâu về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp được đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

Câu 7:

1. **Bối cảnh lịch sử và diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa**

* Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cuối. Hồng quân Xô Viết liên tiếp giành thắng lợi quyết định trên chiến trường châu Âu, giải phóng một loạt nước và tiến thẳng vào sào huyệt phát xít Đức tại Béc-lin. Ngày 9-5-1945, phát xít Đức đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Ngày 8-8-1945, Hồng quân Liên Xô tiến công như vũ bão vào quân đội Nhật. Ngày 14-8-1945, phát xít Nhật đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc.
* Ở trong nước, trải qua các cuộc diễn tập, đến năm 1945, phong trào cách mạng dâng cao. Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật làm cuộc đảo chính hất cẳng Pháp. Ngay trong đêm đó, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng quyết định phát động một cao trào cách mạng làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa.
* Tháng 3-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Tháng 4-1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân. Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị tổ chức các Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp và chuẩn bị thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam.
* Từ tháng 4-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra mạnh mẽ, phong phú về nội dung và hình thức.
* Tháng 8-1945, Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) khẳng định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành độc lập đã tới” và quyết định phát động toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. đề ra ba nguyên tắc bảo đảm tổng khởi nghĩa thắng lợi, đó là: tập trung, thống nhất, kịp thời.
* Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đồng loạt vùng dậy, tiến hành tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Chỉ trong vòng 15 ngày cuối tháng 8-1945, cuộc tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn, chính quyền trong cả nước về tay nhân dân.
* Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) lịnh sử, trước cuộc mít tinh của gần một triệu đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Lâm thời trịnh trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

1. **Nguyên nhân thắng lợi**

* Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công mau lẹ do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân quan trọng, có ý nghĩa quyết định là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, khéo léo của Đảng; là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta một cách đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo. Đảng có phương pháp, chiến lược, chiến thuật cách mạng phù hợp, linh hoạt; nhận thức được thời cơ, chủ động đón thời cơ và kiên quyết chớp thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.
* Cách mạng Tháng Tám thành công là do tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quật cường của các tầng lớp nhân dân ta, không chịu sống mãi kiếp nô lệ của người dân mất nước; một lòng đi theo Đảng và được Đảng lãnh đạo qua các cuộc tổng diễn tập, đã quyết vùng lên giành độc lập cho dân tộc. Trải qua 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã có biết bao đồng bào, chiến sĩ đã không hề tiếc máu xương, hy sinh oanh liệt vì mục tiêu độc lập dân tộc.
* Cách mạng Tháng Tám được tiến hành trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi nhất định. Chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật đã bị đánh bại, phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức và của các lực lượng tiến bộ trên thế giới phát triển mạnh.

1. **Ý nghĩa lịch sử**

* Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo, mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Chính quyền về tay nhân dân, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; chấm dứt chế độ quân chủ phong kiến ở Việt Nam; kết thúc hơn hơn 80 năm nhân dân ta dưới ách đô hộ của thực dân, phát xít. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập, tự do và dân chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành một Đảng cầm quyền.
* Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước bị chủ nghĩa đế quốc thực dân áp bức, thống trị. Nó khẳng định rằng, trong điều kiện trào lưu của cách mạng vô sản, cuộc cách mạng do một đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo không chỉ có thể thành công ở một nước tư bản kém phát triển, nơi mắt xích yếu nhất của chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể thành công ở ngay một nước thuộc địa nửa phong kiến lạc hậu để đưa cả dân tộc đó đi lên theo con đường của chủ nghĩa xã hội.

1. **Một số bài học kinh nghiệm**

* Bài học thứ nhất là có một đảng tiên phong thật sự cách mạng, tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin, được tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng đã nắm vững hoàn cảnh cụ thể của mỗi giai đoạn lịch sử, đề ra đường lối cách mạng đúng đắn, có phương pháp và hình thức đấu tranh phù hợp; biết nắm bắt thời cơ, xây dựng lực lượng và tổ chức, sử dụng lực lượng; phát huy được sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để dẫn dắt quần chúng đứng lên giành và giữ chính quyền.
* Bài học thứ hai là vấn đề giành và giữ chính quyền. Đảng ta đã biết chăm lo xây dựng lực lượng cách mạng, làm cho lực lượng cách mạng đủ mạnh, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, từ đó làm thay đổi so sánh lực lượng giữa ta và địch, tạo ra thời cơ cách mạng để đưa cuộc cách mạng đến thành công
* Bài học thứ ba là vấn đề nắm bắt được thời cơ, đề ra được những quyết định chính xác và kịp thời. Cũng nhờ chọn đúng thời cơ mà sức mạnh của nhân dân ta trong Cách mạng Tháng Tám được nhân lên gấp bội, đã tiến hành tổng khởi nghĩa thành công trong phạm vi cả nước trong thời gian ngắn.

Câu 8:

**Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đất nước ta đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Để giải quyết tình hình “thù trong, giặc ngoài”. Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc" ngày 25/11/1945.**

-Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thành lập, ngày 2-9-1945 tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ Lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới về nền độc lập của nhân dân Việt Nam. Đảng ta từ một đảng hoạt động bất hợp pháp trở thành đảng cầm quyền, nhân dân ta được giải phóng khỏi cuộc đời nô lệ, trở thành người làm chủ đất nước, Nước ta đứng trước những khó khăn, thách thức tưởng chừng khó vượt qua của thù trong, giặc ngoài và những khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, mà chế độ thực dân phong kiến để lại, nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc và các chính quyền phản động trong khu vực. Nước ta còn chưa nhận được sự giúp đỡ trực tiếp của các nước xã hội chủ nghĩa và lực lượng tiến bộ trên thế giới.

- Nền kinh tế vốn nghèo nàn, lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Nạn đói năm 1945 làm 2 triệu người chết, 90% số dân mù chữ. Ở miền Bắc: 20 vạn quân Tưởng ồ ạt tràn qua biên giới, kéo theo là “Việt Quốc, Việt Cách”, chúng lập chính quyền phản động ở một số nơi, cướp của giết người và chống phá chính quyền cách mạng. Ở miền Nam: quân Anh với danh nghĩa đồng minh kéo vào nước ta tiếp tay cho thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai. “Tổ quốc lâm nguy! Vận mệnh dân tộc như ngàn cân treo sợi tóc!”.

- Trước tình hình cấp bách, ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị về “Kháng chiến kiến quốc”. Chỉ thị là tuyên bố quan trọng của Đảng trong việc giải quyết tình hình đất nước và đề ra những nhiệm vụ mới. Chỉ thị phân tích những thay đổi căn bản về tình hình quốc tế và trong nước sau chiến tranh. Nội dung của bản chỉ thị gồm 13 điều, đề cập tới toàn bộ hoàn cảnh trong nước cũng như quốc tế. Chỉ thị đề ra những nhiệm vụ cấp bách nhất mà cách mạng cần phải làm trong giai đoạn mới.

+ Về chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng đất nước, củng cố chính quyền nhân dân bằng cách kiên quyết trừng trị bọn phản quốc, tiến hành tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, lập Chính phủ chính thức và ban hành Hiến pháp, có thể cải tổ chính phủ trước khi bầu cử, sửa đổi cách làm việc của chính quyền nhân dân địa phương.

+ Về quân sự, động viên toàn dân kiên trì kháng chiến, tổ chức lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài, dùng lối đánh du kích với phương pháp bất hợp tác triệt để của nhân dân ở vùng địch chiếm đóng, mở rộng chiến tranh du kích ở Campuchia và phát triển tuyên truyền vũ trang trên đất Lào.

+Về ngoại giao, kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc “bình đẳng, tương trợ”. Phương châm là “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết” và “muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực”. Đối với Tưởng thì chủ trương Hoa – Việt thân thiện, đối với Pháp độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế.

+ Về kinh tế tài chính, mở lại các nhà máy do Nhật bỏ, khai thác các mỏ, cho tư nhân được góp vốn vào việc kinh doanh các nhà máy và mỏ ấy, khuyến khích các giới công thương mở hợp tác xã, mở các hội cổ phần tham gia kiến thiết lại nước nhà.

+ Về văn hoá, tổ chức bình dân học vụ, tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở các trường đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy nhồi nhét, cổ dộng văn hóa cứu quốc, xây dựng nền văn hoá mới theo ba nguyên tắc: khoa học hoá, dân tộc hoá, đại chúng hoá.

**Chỉ thị nhấn mạnh**: Muốn thực hiện được những nhiệm vụ trên đây, Đảng và Mặt trận Việt Minh phải được củng cố và phát triển:

+ Về Đảng, phải duy trì hệ thống tổ chức bí mật hay bán công khai, tuyển thêm đảng viên mới, chú trọng gây thêm cơ sở Đảng trong các xí nghiệp, mở rộng các tổ chức nghiên cứu chủ nghĩa Mác bao gồm những ai có khuynh hướng cộng sản hay có cảm tình với cộng sản, nhưng tổ chức phải do những người cộng sản điều khiển. Đồng thời, Chỉ thị cũng nêu rõ: Các tổ chức Đảng phải giữ vững và duy trì sinh hoạt đều đặn, xây dựng, củng cố các chi bộ Đảng trong các cơ quan hành chính hay các hội hợp pháp; thành lập chi bộ trong quân đội, phối hợp sự hoạt động bí mật với hoạt động công khai, trong đó, hoạt động bí mật phải được đặc biệt coi trọng và không để cho các cơ quan bí mật trở thành xung đột hoặc đối lập với cơ quan công khai.

+ Về Mặt trận Việt Minh:

mở rộng Mặt trận Việt Minh, lập các đoàn thể cứu quốc mới, củng cố quyền lãnh đạo của Đảng trong Mặt trận, thống nhất Mặt trận Việt Nam - Lào - Campuchia chống Pháp xâm lược

- Chỉ thị là bước đi hợp lý, là biện pháp cần thiết sau khi giành chính quyền nhằm cũng cố chế độ, giải quyết những khó khăn của quần chúng càng làm tăng cường sự gắn bó chặt chẽ của nhân dân với cách mạng. Chỉ thị thể hiện sự sáng tạo trong việc giải quyết chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng trong tình hình mới, chiến lược ở đây được hiểu là chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, còn sách lược ở đây là những biện pháp cụ thể có tính mềm dẻo, khôn khéo, giải pháp mang tính tạm thời nhưng vẫn hướng tới mục tiêu chiến lược đó là giải phóng dân tộc.

Câu 9:

## 1. Hoàn cảnh lịch sử:

Tháng 11-1946, quân Pháp mở cuộc tấn công chiếm đóng cả thành phổ Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, đổ bộ lên Đà Nẵng và gây nhiều cuộc khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở Hà Nội. Trung ương Đảng đã chỉ đạo tìm cách liên lạc với phía Pháp để giải quyết vấn đề bằng biện pháp đàm phán, thương lượng.

* Trước việc Pháp gửi tối hậu thư đòi ta tước vũ khí của tự vệ Hà Nội, để cho chúng kiểm soát an ninh trật tự ở Thủ đô, ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp Hội nghị mở rộng tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh để hoạch định chủ trương đối phó. Hội nghị đã cử phái viên đi gặp phía Pháp để đàm phán, song không có kết quả. Hội nghị cho rằng, hành động của Pháp chứng tỏ chúng cố ý muốn cướp nước ta một lần nữa. Khả năng hòa hoãn không còn. Hội nghị đã quyết định hạ quyết tâm phát động cuộc kháng chiến trong cả nước và chủ động tiến công trước khi thực dân Pháp thực hiện màn kịch đảo chính quân sự ở Hà Nội.
* Thuận lợi của nhân dân ta khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược là ta chiến đấu để bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc và đánh địch trên đất nước mình nên có chính nghĩa, có “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”. Trong khi đó, thực dân Pháp cũng có nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế, quân sự ở trong nước và tại Đông Dương không dễ gì có thể khắc phục được ngay.
* Khó khăn của ta là tương quan lực lượng quân sự yếu hơn địch. Ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào công nhận, giúp đỡ. Còn quân Pháp lại có vũ khí tối tân, đã chiếm đóng được hai nước Campuchia, Lào và một số nơi ở Nam Bộ Việt Nam, có quân đội đứng chân trong các thành thị lớn ở miền Bắc.

## 2. Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân:

- Ngay sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, trong Chỉ thị về kháng chiến kiến quốc, Đảng đã nhận định kẻ thù chính, nguy hiểm nhất của dân tộc ta là thực dần Pháp xâm lược, phải tập trung mũi nhọn đấu tranh vào chúng.

* Trong quá trình chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ, Trung ương Đảng và Hồ Chí Minh đã chỉ đạo kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao để làm thất bại âm mưu của Pháp định tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam.
* Ngày 19-10-1946, Thường vụ Trung ương Đảng mở Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ nhất, do Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì. Xuất phát từ nhận định “không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”‘, Hội nghị đề ra những chủ trương, biện pháp cụ thể cả về tư tưởng và tổ chức để quân dân cả nước sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

- Đường lối toàn quốc kháng chiến của Đảng được thể hiện tập trung trong ba văn kiện lớn được soạn thảo và công bố ngay trước và sau ngày cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đó là văn kiện Toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng (12-12-1946), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chi Minh (19-12-1946) và tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh.

## 3. Nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp 45-54:

– Mục đích kháng chiến: Kế tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng Tháng Tám, “Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập”.

– Tính chất kháng chiến: “Cuộc kháng chiến của dân tộc tạ là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa, nó có tính chất toàn dân, toàn diện và lâu dài”. Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

– Phương châm tiến hành kháng chiến: Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

– Kháng chiến toàn dân: “Bất kỳ đàn ông đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kỳ người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp”, thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.

– Kháng chiến toàn diện: Đánh địch về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trong đó:

+ Về chính trị: Thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình.

+ Về quân sự: Thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy.

+ Về kinh tế: Tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cung tự túc, tập trung phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.

+ Về văn hóa: Xóa bỏ văn hóa thực dân, phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân chủ mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.

+ Về ngoại giao: Thực hiện thêm bạn bớt thù , biểu dương thực lực. “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống pharn động thực dân Pháp”, sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập.

Kháng chiến lâu dài (trường kỳ): Là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.

Dựa vào sức mình là chính: “Phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta bị bao vây bốn phía, chưa được nước nào giúp đỡ nên phải tự lực cánh sinh. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không được ỷ lại.

## 4. Kết quả và ý nghĩa lịch sử:

**\* Kết quả của việc thực hiện đường lối**

- Về chính trị: Đảng ra hoạt động công khai đã có điều kiện kiện toàn tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo đối với cuộc kháng chiến. Bộ máy chính quyền năm cấp được củng cố. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập. Khối đại đoàn kết toàn dân phát triển lên một bước mới.

- Về quân sự: Đến cuối năm 1952, lực lượng chủ lực đã có sáu đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh – pháo binh,Thắng lợi các chiến dịch Trung Du. đã tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư, mở rộng vùng giải phóng của Việt Nam và cho cách mạng Lào….

- Về ngoại giao: Với phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, khi biết tin Pháp có ý định đàm phán, thương lượng với ta, ngày 27-12-1953, Ban Bí thư ra Thông tư nêu rõ: “lập trường của nhân dân Việt Nam là kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng”.

***\* Ý nghĩa lịch sử***

- Đối với nước ta, việc đề ra và thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao, buộc chúng phải công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương; đã làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, kết thúc chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương; giải phóng hoàn toàn miền Bắc.

* Đối với quốc tế, thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; cùng với nhân dân Lào và Campuchia đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực phân Pháp.

## 5. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm:

**\* Nguyên nhân thắng lợi:**

– Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng với đường lối kháng chiến đúng đắn đã huy động được sức mạnh toàn dân đánh giặc; có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tập hợp trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi

– Có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân được giữ vững, củng cố và lớn mạnh, làm công cụ sắc bén tổ chức toàn dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

– Có sự liên minh đoàn kết chiến đấu keo sơn giữa ba dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia cùng chống một kẻ thù chung; đồng thời có sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Trung Quốc, Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

**\* Bài học kinh nghiệm:**

- Thứ nhất, đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng đường lối đó cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện, đó là đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài dựa vào sức mình là chính.

- Thứ hai, kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội.

- Thứ ba, thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh để có tiềm lực mọi mặt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến.

- Thứ tư, tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực lãnh đạo.

Câu 10: